

# ĐA DẠNG HỆ THỰC VẬT Ở KHU DI TÍCH LĂNG CỤ PHÓ BẢNG NGUYỄN SINH SẮC, THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

• Phạm Thị Thanh Mai<sup>(\*)</sup>

## Tóm tắt

*Kết quả nghiên cứu đã xác định được 427 loài thực vật, 296 chi, 108 họ và 67 bộ thuộc 4 ngành: Bryophyta, Polypodiophyta, Pinophyta và Magnoliophyta ở Khu di tích Lăng cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Các taxon thuộc ngành Magnoliophyta là đa dạng nhất và chiếm ưu thế nhất với 408 loài, 280 chi, 94 họ, 58 bộ và 2 lớp. Các họ có số lượng loài nhiều nhất là: Fabaceae, Poaceae, Asteraceae, Euphorbiaceae, Moraceae, Apocynaceae, Araceae... Các chi đa dạng nhất gồm: Ficus, Cyperus, Ipomoea, Cassia, Euphorbia, Hibiscus, Nymphaea... Hệ thực vật có 5 dạng thân chính: gỗ, thảo, bụi, dây leo và ký sinh, trong đó dạng thảo chiếm ưu thế với 206 loài. Khu di tích có 4 loài thực vật có nguy cơ tuyệt chủng theo Sách Đỏ Việt Nam là Cupressus torulosa, Dalbergia cochinchinensis, Cycas revoluta và Elaeocarpus hygrophilus.*

*Từ khóa: Hệ thực vật, loài, đa dạng, khu di tích.*

### 1. Đặt vấn đề

Khu di tích lịch sử - văn hóa Lăng cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc thuộc phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp là công trình tưởng niệm, ghi ơn cụ Nguyễn Sinh Sắc được khánh thành ngày 13/12/1977 và được Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch công nhận là Khu di tích lịch sử - văn hóa vào tháng 09/04/1992 [9].

Khu di tích có chức năng nghiên cứu và giáo dục khoa học về cuộc đời, sự nghiệp của Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc và của chủ tịch Hồ Chí Minh [9], đồng thời là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa truyền thống, về nguồn lịch sử, lễ hội, triển lãm nghệ thuật nhân các ngày lễ lớn của dân tộc... Lăng cụ Phó bảng đã đón tiếp các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước ở Trung ương, địa phương, các tỉnh thành trong nước, bạn bè quốc tế và nhân dân trên khắp mọi miền đất nước đến viếng và trồng nhiều loài cây cảnh quý giá để lưu niệm và tạo cảnh quan tươi đẹp.

Trong khuôn viên Khu di tích Lăng cụ có hàng trăm loài thực vật được trồng làm cảnh, làm thuốc và hơn một trăm loài thực vật mọc hoang tự nhiên có giá trị về mặt sinh học, y dược học và sinh thái tạo nên sự đa dạng, đặc sắc, phong phú của hệ thực vật. Nơi đây có vai trò như một lá phổi xanh của thành phố Cao Lãnh, góp phần hạn chế ô nhiễm môi trường, điều hòa khí hậu, tạo môi trường sinh thái trong lành cho thành phố Cao Lãnh... nhưng

từ trước đến nay chưa có công trình khoa học nào đánh giá hệ thực vật thuộc Khu di tích này.

Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đa dạng hệ thực vật nơi đây để góp phần bảo tồn sự đa dạng, gìn giữ các loài cây quý hiếm phục vụ cho nghiên cứu tôn tạo và phát triển Khu di tích Lăng cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc ngày càng thêm tươi đẹp, cũng như góp phần vào việc bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn giới thực vật nói riêng và đa dạng sinh học nói chung trước biến đổi khí hậu.

### 2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

#### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Các loài thực vật được trồng và mọc tự nhiên trong Khu di tích Lăng cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

#### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

##### 2.2.1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết

Thu thập và kê thừa có chọn lọc các tài liệu, các công trình khoa học có liên quan đến vấn đề nghiên cứu để tổng hợp thông tin, vận dụng vào việc phân tích, biện luận các kết quả đạt được.

##### 2.2.2. Phương pháp nghiên cứu ngoài thiên nhiên

Tiến hành khảo sát thực tế 6 đợt (12/12/2016; 05/02/2017; 02/5/2017; 01/7/2017; 05/9/2017; 15/10/2017) tại Khu di tích Lăng cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc để điều tra, ghi nhận số liệu, quan sát, mô tả, ghi chép về tên địa phương, đặc điểm của cây và chụp ảnh mẫu.

Dụng cụ hỗ trợ gồm có kính lúp nhỏ, máy ảnh, sổ ghi chép, viết chì, bút bi.

<sup>(\*)</sup> Trường Đại học Đồng Tháp.

Phương pháp và kỹ thuật thu mẫu theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn (năm 2008) [10].

### 2.2.3. Phương pháp nghiên cứu phòng thí nghiệm

Xác định tên khoa học của các loài thực vật bằng phương pháp so sánh hình thái, các tài liệu chính được dùng là Võ Văn Chi và Trần Hợp (2001-2002), (2003-2004) [3], [4]; Võ Văn Chi (2007) [5]; Phạm Hoàng Hộ (1999-2003) [6]; Nguyễn Khắc Khôi (2002) [7]; Vũ Xuân Phương (2000) [8]; Viện Dược liệu (2016) [11].

Phương pháp xây dựng danh lục: Danh lục thành phần loài được sắp xếp theo hệ thống của

Brummit (1992) [12].

Phương pháp xử lý số liệu: Xử lý số liệu bằng phần mềm Microsoft Excel 2010.

## 3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

### 3.1. Đa dạng về các taxon bậc lớp, họ, chi, loài

Qua nghiên cứu về thành phần loài thực vật tại Khu di tích Lăng cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, chúng tôi đã xác định được 427 loài, 296 chi, 108 họ và 67 bộ thuộc 4 ngành: Ngành Rêu (Bryophyta), Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta), Ngành Thông (Pinophyta) và Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) (Bảng 1).

**Bảng 1. Sự phân bố taxon trong các ngành**

Ngành	Lớp		Bộ		Họ		Chi		Loài	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Bryophyta	1	16,67	1	1,49	1	0,93	1	0,34	1	0,23
Polypodiophyta	1	16,67	4	5,97	9	8,33	10	3,38	13	3,05
Pinophyta	2	33,33	4	5,97	4	3,70	5	1,69	5	1,17
Magnoliophyta	2	33,33	58	86,57	94	87,04	280	94,59	408	95,55
<b>Tổng</b>	<b>6</b>	<b>100</b>	<b>67</b>	<b>100</b>	<b>108</b>	<b>100</b>	<b>296</b>	<b>100</b>	<b>427</b>	<b>100</b>

Số liệu ở Bảng 1 cho thấy phần lớn các taxon tập trung trong Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) với 408 loài (chiếm 95,55%), 280 chi (chiếm 94,59%), 94 họ (chiếm 87,04%), 58 bộ (chiếm 86,57%) và 2 lớp (chiếm 33,33%). Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) có 13 loài (chiếm 3,05%), 10 chi (chiếm 3,38%), 9 họ (chiếm 8,33%), 4 bộ (chiếm 5,97%) và 1 lớp (chiếm 16,67%). Ngành Thông (Pinophyta) có 5 loài (chiếm 1,17%), 5 chi (chiếm 1,69%), 4 họ (chiếm 3,70%), 4 bộ (chiếm 5,97%) và 2 lớp (chiếm 33,33%). Ngành Rêu (Bryophyta) chiếm tỉ lệ rất nhỏ với chỉ có

1 loài (chiếm 0,23%), 1 chi (chiếm 0,34%), 1 họ (chiếm 0,93%), 1 bộ (chiếm 1,49%) và 1 lớp (chiếm 16,67%).

Trong số 427 loài ghi nhận được ở Khu di tích thì có 296 loài được trồng phục vụ cho làm cảnh, trang trí, làm thuốc... và có 131 loài mọc hoang tự nhiên.

#### 3.1.1. Đa dạng bậc lớp

Sự phân bố các taxon trong lớp thuộc 4 ngành: Rêu (Bryophyta), Dương xỉ (Polypodiophyta), Thông (Pinophyta) và Ngọc lan (Magnoliophyta) cũng khác nhau (Bảng 2).

**Bảng 2. Sự phân bố các taxon lớp trong các ngành**

Tên ngành	Tên lớp	Họ		Chi		Loài	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Bryophyta	Bryopsida	1	0,93	1	0,34	1	0,23
Polypodiophyta	Polypodiopsida	9	8,33	10	3,38	13	3,05
Pinophyta	Cycadopsida	1	0,93	1	0,34	1	0,23
	Pinopsida	3	2,77	4	1,35	4	0,94
Magnoliophyta	Dicotyledonae	71	65,74	203	68,58	304	71,19
	Monocotyledonae	23	21,30	77	26,01	104	23,76
<b>Tổng</b>		<b>108</b>	<b>100</b>	<b>296</b>	<b>100</b>	<b>427</b>	<b>100</b>

Như vậy, từ Bảng 2 cho thấy lớp Hai lá mầm (Dicotyledonae) có số lượng taxon ở các bậc

là đa dạng nhất và chiếm ưu thế nhất (với 304 loài, 203 chi và 71 họ) so với lớp Một lá mầm

(Monocotyledonae) có 104 loài, 77 chi và 23 họ. Lớp Dương xỉ (Polypodiopsida) có số taxa là 13 loài, 10 chi và 9 họ. Lớp Thông (Pinopsida) có 4 loài, 4 chi và 3 họ. Lớp Rêu (Bryopsida) và lớp Tuế (Cycadopsida) là hai lớp kém đa dạng nhất (1 loài, 1 chi, 1 họ).

### 3.1.2. Đa dạng bậc họ

Số loài điều tra được là 427 loài phân bố trong 108 họ. Tuy nhiên, sự phân bố số loài trong các họ không đồng đều (Bảng 3).

**Bảng 3. Các họ đa dạng nhất của hệ thực vật Lãng cụ Nguyễn Sinh Sắc**

TT	Họ	Số loài	Tỉ lệ %
1	Fabaceae	29	6,79
2	Poaceae	27	6,32
3	Asteraceae	21	4,92
4	Euphorbiaceae	21	4,92
5	Moraceae	17	3,98
6	Apocynaceae	15	3,51
7	Araceae	15	3,51
8	Rubiaceae	14	3,28
9	Cyperaceae	13	3,04
10	Lamiaceae	11	2,58
<b>Tổng</b>		<b>183</b>	<b>42,85</b>

Số liệu từ Bảng 3 cho thấy với 10 họ đa dạng nhất (có từ 11 - 29 loài) với tổng số loài là 183 loài (chiếm 42,85%). Họ có nhiều loài nhất là họ Đậu (Fabaceae) với 29 loài (chiếm 6,79%); thứ hai là họ Lúa (Poaceae) với 27 loài (chiếm 6,32%); thứ ba là 2 họ: Cúc (Asteraceae), Thầu dầu (Euphorbiaceae) với 21 loài (chiếm 4,92%); thứ tư là họ Dầu tằm (Moraceae) với 17 loài (chiếm 3,98%); thứ năm gồm 2 họ có 15 loài (chiếm 3,51%) là họ Trúc đào (Apocynaceae) và họ Ráy (Araceae); thứ sáu là họ Cà phê (Rubiaceae) với 14 loài (chiếm 3,28%); thứ bảy là họ Cói (Cyperaceae) có 13 loài (chiếm 3,04%) và xếp thứ tám là họ Hoa môi (Lamiaceae) với 11 loài (chiếm 2,58%).

### 3.1.3. Đa dạng bậc chi

Trong số 296 chi thực vật thống kê được tại Khu di tích Lãng cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc thì có 10 chi đa dạng nhất (có từ 4 - 12 loài) với 63 loài chiếm 14,75%. Kết quả được thể hiện qua Bảng 4.

Từ bảng trên cho thấy chi đa dạng nhất là chi *Ficus* (12 loài, chiếm 2,81%), xếp thứ hai là chi *Cyperus* (11 loài, chiếm 2,57%), chi có nhiều loài

xếp thứ ba là chi *Ipomoea* (8 loài, chiếm 1,87%), thứ tư là 4 chi: *Cassia*, *Euphorbia*, *Hibiscus*, *Nymphaea* (5 loài, chiếm 1,17%) và xếp thứ năm là 3 chi: *Bambusa*, *Bougainvillea*, *Jatropha* (4 loài, chiếm 0,94%).

**Bảng 4. Các chi đa dạng nhất trong hệ thực vật Lãng cụ Nguyễn Sinh Sắc**

TT	Chi	Số loài	Tỉ lệ %
1	<i>Ficus</i>	12	2,81
2	<i>Cyperus</i>	11	2,57
3	<i>Ipomoea</i>	8	1,87
4	<i>Cassia</i>	5	1,17
5	<i>Euphorbia</i>	5	1,17
6	<i>Hibiscus</i>	5	1,17
7	<i>Nymphaea</i>	5	1,17
8	<i>Bambusa</i>	4	0,94
9	<i>Bougainvillea</i>	4	0,94
10	<i>Jatropha</i>	4	0,94
<b>Tổng</b>		<b>63</b>	<b>14,75</b>

### 3.2. Đa dạng về dạng thân

Hệ thực vật ở Khu di tích Lãng cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc có 5 dạng thân chính như sau: Cây thân gỗ, cây thân thảo, cây thân bụi, dây leo và cây ký sinh, số liệu được ghi nhận ở Bảng 5.

**Bảng 5. Dạng thân các loài thực vật Lãng cụ Nguyễn Sinh Sắc**

Dạng thân	Cây gỗ	Cây thảo	Cây bụi	Dây leo	Cây ký sinh	Tổng
Số lượng loài	127	206	55	38	1	427
Tỉ lệ %	29,74	48,24	12,88	8,90	0,23	100

Kết quả ở Bảng 5 cho thấy:

- Nhóm cây có nhiều loài nhất là cây thân thảo với 206 loài, chiếm 48,24%.

- Dạng cây thân gỗ gồm 127 loài, chiếm tỉ lệ là 29,74%.

- Dạng cây thân bụi với 55 loài, chiếm tỉ lệ là 12,88%.

- Dạng dây leo có 38 loài, chiếm tỉ lệ là 8,90%.

- Cuối cùng là dạng cây ký sinh với 1 loài, chiếm tỉ lệ là 0,23%.

Như vậy, dạng thân chiếm ưu thế nhất trong Khu di tích Lãng cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc là cây thân thảo (48,24%), kể đến cây thân gỗ

(29,74%), thứ ba cây thân bụi (12,88%), thứ tư dây leo (8,90%) và sau cùng dạng ký sinh (0,23%).

### 3.3. Đa dạng về giá trị tài nguyên thực vật

#### 3.3.1. Đa dạng về giá trị sử dụng

**Bảng 6. Giá trị sử dụng của thực vật ở Lăng cụ Nguyễn Sinh Sắc**

TT	Công dụng	Số loài	Tỉ lệ %
1	Nhóm cây làm cảnh	204	47,78
2	Nhóm cây làm thuốc	191	44,73
3	Nhóm cây làm rau	62	14,52
4	Nhóm cây làm phân xanh, cải tạo đất	35	8,20
5	Nhóm cây cho quả	25	5,85

- *Nhóm cây làm cảnh*: có 204 loài chiếm 47,78% tổng số loài được ghi nhận nơi đây. Những loài làm cảnh chủ yếu là các thuộc các họ như: họ Cúc (Hướng dương *Helianthus annuus* L., Vạn thọ *Tagetes erecta* L., Cúc vàng *Doroniun orientale Hoffm.*, Cúc mâm xôi *Chrysanthemum morifolium Ramat.*, Thuộc dược *Dahlia pinnata Cav.*, Cúc xuyên chi *Wedelia trilobata* (L.) Hitch, Cúc giấy *Zinnia elegans Jacq...*), họ Trúc đào (Huỳnh anh *Allamanda cathartica* L., Dừa cạn *Catharanthus roseus* (L.) G. Don., Trúc đào *Nerium oleander* L., Sứ Thái *Adenium obesum* (Forssk.) Roem. et Schult., Sứ trắng *Plumeria obtusa* L., Đại hoa đỏ *Plumeria rubra* L. f. *rubra*, Sứ *Alstonia scholaris* L. R. Br., Thông thiên *Thevetia peruviana* (Pers.) K. Shum., Ngọc bút *Tabernaemontana divaricata* (L.) R.Br., Mai chiếu thủy *Wrightia religiosa* (Teijsm. et Binn.) Hook. f...), họ Bông (Dâm bụt *Hibiscus rosa-sinensis* L., Dâm bụt kép *Hibiscus syriacus* L., Bụt lông đèn *Hibiscus schizopetalus* (Mast.) Hook...), họ Sen (Sen hồng *Nelumbo nucifera* Gaertn., Sen trắng *Nelumbo alba* Hort, Sen sẻ *Nelumbo nucifera* Gaertn. spp.), họ Súng (Súng vàng *Nymphaea sunrice* spp., Súng nia *Victoria amazonica* (Poepp.) J. C. Sowerby, Súng hồng *Nymphaea nouchali* spp., Súng tím *Nymphaea* spp...), họ Dâu tằm (Sộp *Ficus superba* var. *jabonica* Miq., Sung *Ficus racemosa* L., Đa búp đỏ *Ficus elastica* Roxb., Đa bò đề *Ficus religiosa* L., Si *Ficus benjamina* L., Sanh *Ficus retusa* L., Sa kê *Artocarpus altilis* (Park.) Fosb...), họ Hoa giấy (Hoa giấy *Bougainvillea brasiliensis* Willd., Hoa

giấy hồng *Bougainvillea glabra* Choisy, Hoa giấy đỏ *Bougainvillea spectabilis* Willd., Hoa giấy lá trắng *Bougainvillea spectabilis* Willd. var. *lateritia* Lem...), họ Cà phê (Diễm châu *Pentas lanceolata* (Forssk.) Deflers, Bướm bạc *Mussaenda dehiscent* Craib., Trang đỏ *Ixora coccinea* L., Trang lá nhỏ *Ixora coccinea* var. *compata* Pierre ex Pit...), họ Cam (Cần thăng *Feroniella lucida* (Scheff.) SW., Nguyệt quý *Murraya paniculata* (L.) Jack...), họ Ráy (Kim phát tài *Zamioculcas zamiifolia* Lodd., Môn đốm *Caladium bicolor* (Ait.) Vent., Môn trường sinh *Dieffenbachia amoena* Hort., Bạch mã hoàng tử *Aglaonema pseudobracteatum*, Vạn lộc *Aglaonema rotundum*, Trầu bà vàng *Epipremnum pinatum* (L.) Engler cv. *aureum* Nichol....)



Hình 1. Huỳnh anh Hình 2. Dừa cạn Hình 3. Diễm châu Hình 4. Súng hồng

- *Nhóm cây làm thuốc*: có 191 loài có giá trị làm thuốc chiếm 44,73% tổng số loài điều tra được, trong đó có các loài cây thuốc như Ích mẫu *Leonurus heterophyllus* Sweet., Hoắc hương *Pogostemon cablin* (Blanco) Benth., Râu mèo *Orthosiphon spiralis* (Lour.) Merr., Hương nhu *Ocimum tenuiflorum* L., Đinh lăng *Polyscias fruticosa* (L.) Harms, Ngũ gia bì *Schefflera elliptica* (Blume) Harms., Kim tiền thảo *Desmodium styracifolium* (Osb.) Merr., Sâm đất *Ruellia tuberosa* L., Sâm đại hành *Eleutherine bulbosa* (Mill.) Urb, Đại bi *Blumea balsamifera* (L.) DC., Ngũ trảo *Vitex negundo* var. *cannabifolia* Hand. Mazz., Cối xay *Abutilon indicum* (L.) Sweet, Xuyên tâm luyện *Andrographis paniculata* (Burm.f.) Wall. ex Nees., Ngải cứu *Artemisia vulgaris* L., Mã đề *Plantago major* L., Ké hoa đào *Urena lobata* L., Đỗ trọng nam *Jatropha multifida* L., Trinh nữ hoàng cung *Crinum latifolium* L., Khổ qua rừng *Momordica balsamina* L., Mật gấu *Vernonia amygdalina* Del., Dừa cạn *Catharanthus roseus* (L.) G. Don., Lục lạc *Crotalaria pallida* Aiton, Lá lốt *Piper lolot* C. DC, Nhãn lồng *Passiflora foetida* L., Thuốc giòi *Poujoljia jeylanica* (L.) Benn., Bạch hoa

xà *Plumbago zeylanica* L., Cỏ màn trâu *Elisine indica* (L.) Gaertn., Mơ tam thể *Paederia foetida* L., Gối hạc *Leea rubra* Blume ex Spreng., Chua me đất *Oxalis corniculata* L., Lê bạn *Tradescantia discolor* L'Hér., Nhàu *Morinda citrifolia* L., Bò bò *Acorus verus* Houtt., Cỏ lá xoài *Struchium sparganophorum* (L.) O. Ktze, Cỏ mực *Eclipta prostrata* (L.) L... Đây là các loài được người dân địa phương sử dụng để chữa các bệnh như bệnh về tim mạch, cao huyết áp, bệnh về thận, bệnh về tai mũi họng, bệnh về gan, bệnh về gân cốt và dùng giải nhiệt, chữa bệnh mất ngủ, bệnh phụ nữ... Đặc biệt, Khu di tích có khuôn viên chuyên trồng các cây thuốc nam phục vụ cho Phòng khám chữa bệnh Y học cổ truyền.



Hình 5. Ngũ trảo Hình 6. Ngải cứu Hình 7. Xuyên tâm liên Hình 8. Kim tiền thảo

- *Nhóm cây làm rau*: có 62 loài chiếm 14,52% tổng số loài của khu nghiên cứu, trong đó có nhiều cây rau được trồng và mọc tự nhiên được người dân địa phương ưa chuộng dùng trong bữa cơm gia đình đồng thời cũng dùng làm thuốc dân gian chữa các bệnh thông thường như Diếp cá *Houttuynia cordata* Thunb., Lá lốt, Thuốc giòi, Rau tần *Plectranthus amboinicus* (Lour.) Spreng., Rau má *Centella asiatica* (L.) Urb., Cải ngọt *Brassica integrifolia* (West.) O.E. Schulz, Đậu rồng *Psophocarpus tetragonolobus* (L.) DC., Đậu cô ve *Phaseolus vulgaris* L., Bầu *Lagenaria siceraria* Standl., Mướp *Luffa acutangula* (Linn.) Roxb., Khổ qua *Momordica charantia* L., Nhãn lồng, Dền com *Amaranthus lividus* L., Rau diệu *Alternanthera sessilis* (L.) A. DC., Rau trai *Commelina communis* L., Càng cua *Peperomia leptostachya* Hook. & Arn., Rau muống *Ipomoea aquatica* Forsk., Rau sam *Portulaca oleraceae* L....

- *Nhóm cây làm phân xanh và cải tạo đất*: có 35 loài chiếm 8,20% tổng số loài, gồm các cây như Keo tai tượng *Acacia mangium* Willd., Diên điển *Sesbania paludosa* (Roxb.) Prain., Đậu cô ve, Lục lạc, Đậu đũa *Vigna unguiculata* (L.) Walp. subsp. *sesquipedalis* (L.)

Verdc., Cỏ hoàng lục *Arachis pintoii* Krapov. & W. C. Greg., Đậu rồng, Cỏ lào *Eupatorium odoratum* L., Bèo cái *Pistia stratiotes* L....



Hình 9. Đậu đũa Hình 10. Lục lạc Hình 11. Cỏ hoàng lục Hình 12. Đậu rồng

- *Nhóm cây cho quả*: có 25 loài chiếm 5,85% tổng số loài, đó là: Mít *Artocarpus heterophyllus* Lamk., Mít tố nữ *Artocarpus integer* (Thunb.) Merr., Dừa *Cocos nucifera* L., Xoài *Mangifera indica* L., Mãng cầu xiêm *Annona muricata* L., Bình bát *Annona glabra* L., Vú sữa *Chrysophyllum cainino* L., Bưởi *Citrus grandis* (L.) Osbeck, Mận *Syzygium samarangense* (Blume) Merr. Et Perry, Cà na *Elaeocarpus hygrophilus* Kurz., Ổi *Psidium guajava* L., Trâm *Syzygium cuminii* (L.) Skeels...

### 3.3.2. Giá trị về nguồn gen quý hiếm

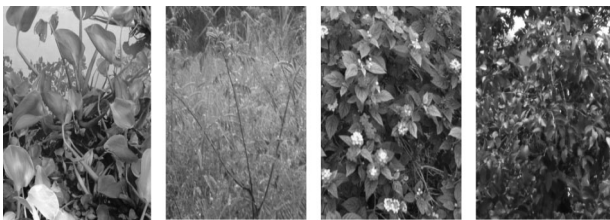
Hệ thực vật Khu di tích Lăng cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc có rất nhiều loài cây cảnh, cây thuốc, cây hoa quý hiếm được trồng trang trí và được các lãnh đạo Đảng, Nhà nước và nhân dân từ nhiều miền của đất nước đến viếng lăng, hiến tặng và trồng lưu niệm, trong đó có 2 loài cây đã hơn 300 tuổi là Khế (*Averrhoa carambola* L.), Sộp (*Ficus superba* var. *jabonica* Miq.) và nhiều loài cây có giá trị như Dã hương (*Cinnamomum camphora* L. Nees. et Eberm), Đa bồ đề (*Ficus religiosa* L.), Đa búp đỏ (*Ficus elastica* Roxb.), Mai vàng (*Ochna integerrima* (Lour.) Merr.)... đặc biệt có 4 loài thực vật quý hiếm có tên trong Sách đỏ Việt Nam (2007) cần được bảo vệ và nhân giống để bảo tồn nguồn gen là Hoàng đàn (*Cupressus torulosa* D. Don), Trắc (*Dalbergia cochinchinensis* Pierre), Vạn tuế (*Cycas revoluta* Thunb.) và Cà na (*Elaeocarpus hygrophilus* Kurz).



Hình 13. Hoàng đàn Hình 14. Trắc Hình 15. Vạn tuế Hình 16. Cà na

Kết quả nghiên cứu cho thấy thành phần loài hệ thực vật ở Khu di tích Lăng cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc rất đa dạng và phong phú với 427 loài (trong đó có 296 loài cây được trồng và 131 loài cây mọc tự nhiên), là “lá phổi xanh” của thành phố Cao Lãnh, góp phần quan trọng trong việc thanh lọc không khí, điều hòa khí hậu, tạo môi trường sinh thái trong lành và tham gia trực tiếp vào việc chống biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Trong số các loài thực vật thống kê được ở Khu di tích thì có 3 loài thực vật ngoại lai cần quan tâm diệt trừ để phòng trừ nguy cơ xâm hại các loài thực vật khác là Lục bình (*Eichhornia crassipes* (Mart.) Solms), Mai dương (*Mimosa pigra* L.) và Trâm ôi (*Lantana camara* L.). Đối với cây Trâm ôi hiện đang được trồng làm cảnh, loài này thích nghi với mọi môi trường sống, phát triển rất nhanh đồng thời gây cản trở nghiêm trọng đến sự tái sinh tự nhiên của một số loài thực vật khác nên cần cân nhắc có sử dụng như cây trang trí hay là tiêu diệt chúng. Bên cạnh đó còn có 1 loài thực vật ký sinh là Tầm gửi (*Scurrula parasitica* L.) có nguy cơ gây hại các cây thân gỗ nơi đây, cần sớm diệt trừ để bảo vệ các cây cảnh thân gỗ.



Hình 17. Lục bình Hình 18. Mai dương Hình 19. Trâm ôi Hình 20. Tầm gửi

#### 4. Kết luận

Qua quá trình nghiên cứu ở Khu di tích Lăng cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thành phố Cao

Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

Thành phần loài thực vật thống kê được là 427 loài, 296 chi, 108 họ và 67 bộ thuộc 4 ngành: Ngành Rêu (Bryophyta), Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta), Ngành Thông (Pinophyta) và Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta). Các taxon bậc loài, chi, họ, bộ thuộc Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) là đa dạng nhất với 408 loài, 280 chi, 94 họ, 58 bộ và 2 lớp.

Trong các lớp thì lớp Hai lá mầm (Dicotyledonae) có số lượng các taxon chiếm ưu thế nhất với 304 loài, 203 chi và 71 họ. Các họ có số lượng loài nhiều nhất là: Fabaceae, Poaceae, Asteraceae, Euphorbiaceae, Moraceae, Apocynaceae, Araceae, Rubiaceae, Cyperaceae, Lamiaceae... Các chi đa dạng nhất gồm: *Ficus*, *Cyperus*, *Ipomoea*, *Cassia*, *Euphorbia*, *Hibiscus*, *Nymphaea*, *Bambusa*, *Bougainvillea*, *Jatropha*...

Hệ thực vật nơi đây có 5 dạng thân chính: cây thân gỗ, cây thân thảo, cây thân bụi, dây leo và cây ký sinh, trong đó dạng cây thân thảo chiếm ưu thế với 206 loài, dạng cây thân gỗ 127 loài, dạng cây thân bụi 55 loài, dây leo 38 loài và dạng ký sinh có 1 loài.

Giá trị sử dụng của thực vật được chia làm 5 nhóm chính: nhóm cây làm cảnh, nhóm cây làm thuốc, nhóm cây làm rau, nhóm cây làm phân xanh, cải tạo đất và nhóm cây cho quả.

Đã xác định được 4 loài thực vật có nguy cơ tuyệt chủng theo Sách Đỏ Việt Nam (2007) là Hoàng đàn (*Cupressus torulosa* D. Don), Trắc (*Dalbergia cochinchinensis* Pierre), Vạn tuế (*Cycas revoluta* Thunb.) và Cà na (*Elaeocarpus hygrophilus* Kurz)/.

#### Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2007), *Sách đỏ Việt Nam, Phần II: Thực vật*, NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ.
- [2]. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2013), *Thông tư liên tịch số 27/2013/TTLT-BTNMT-BNNPTNT ngày 26 tháng 9 năm 2013 về việc quy định tiêu chí xác định loài ngoại lai xâm hại và ban hành danh mục loài ngoại lai xâm hại*.
- [3]. Võ Văn Chi, Trần Hợp (2001 - 2002), *Cây cỏ có ích ở Việt Nam*, tập 1, 2, NXB Giáo dục.
- [4]. Võ Văn Chi (2003 - 2004), *Từ điển thực vật thông dụng*, tập 1, 2, NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- [5]. Võ Văn Chi (2007), *Sách tra cứu tên cây cỏ Việt Nam*, NXB Giáo dục.
- [6]. Phạm Hoàng Hộ (1999 - 2000), *Cây cỏ Việt Nam*, quyển 1, 2, 3, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.

[7]. Nguyễn Khắc Khôi (2002), *Thực vật chí Việt Nam, tập 3, họ Cói - Cyperaceae*, NXB Khoa học & Kỹ thuật.

[8]. Vũ Xuân Phương (2000), *Thực vật chí Việt Nam, tập 2, họ Lamiaceae*, NXB Khoa học & Kỹ thuật.

[9]. Vân Sinh (2007), *Khu di tích Lịch sử - Văn hóa mộ Cụ Nguyễn Sinh Sắc*, Tư liệu của Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc.

[10]. Nguyễn Nghĩa Thìn (2008), *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[11]. Viện Dược Liệu (2016), *Danh lục cây thuốc Việt Nam*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

[12]. Brummitt R. K. (1992), *Vascular Plant families and genera*, Royal Botanic Gardens, Kew.

## FLORAL DIVERSITY IN THE RELIC SITE OF JUNIOR DOCTOR NGUYEN SINH SAC'S TOMB IN CAO LANH CITY, DONG THAP PROVINCE

### Summary

The survey result has identified 427 plant species belonging to 296 genera, 108 families and 67 orders in 4 divisions: Bryophyta, Polypodiophyta, Pinophyta and Magnoliophyta in the Relic Site of Junior Doctor Nguyen Sinh Sac's Tomb in Cao Lanh City, Dong Thap Province. The taxa of Magnoliophyta are the most diversified and dominant with 408 species, 280 genera, 94 families, 58 orders and 2 classes. The families with largest species are Fabaceae, Poaceae, Asteraceae, Euphorbiaceae, Moraceae, Apocynaceae and Araceae, etc. The most diverse genera are Ficus, Cyperus, Ipomoea, Cassia, Euphorbia, Hibiscus and Nymphaea, etc. The flora has 5 main trunk types: woody, herb, shrub, vine and parasitic plants in which herbaceous plants dominate with 206 species. The Relic site has 4 endangered species listed in Vietnam's Red Book, namely *Cupressus torulosa*, *Dalbergia cochinchinensis*, *Cycas revoluta* and *Elaeocarpus hygrophilus*.

Keywords: Flora, species, diversity, relic site.

Ngày nhận bài: 08/01/2018; Ngày nhận lại: 07/3/2018; Ngày duyệt đăng: 14/4/2018.